

Số 442/BC-PPC

Hải Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2018**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**
 - Tên giao dịch quốc tế: **Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company**
 - Giấy chứng nhận: 0403000380 Ngày 25 tháng 01 năm 2006
 - Đăng ký Kinh doanh số: 0800296853 Ngày 10 tháng 05 năm 2013
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh 6, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
- Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 VND** (Ba tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng Việt Nam)
 - Trụ sở chính: phường Phả Lại - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương
 - Điện thoại: 02203 881 126 Fax: 02203 881 338
 - Website: <http://www.ppc.evn.vn>
 - Mã cổ phiếu: **PPC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công Nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần 6: ngày 10 tháng 05 năm 2013.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng

Năm	Sự kiện kiện
1982	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I.
1983	Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1984	Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1985	Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1986	Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1995	Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
2001	Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2002	Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại
2005	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
26/1/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
13/3/2006	Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước.
15/5/2006	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
19/5/2006	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội
8/1/2007	TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
17/01/2007	UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
26/01/2007	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

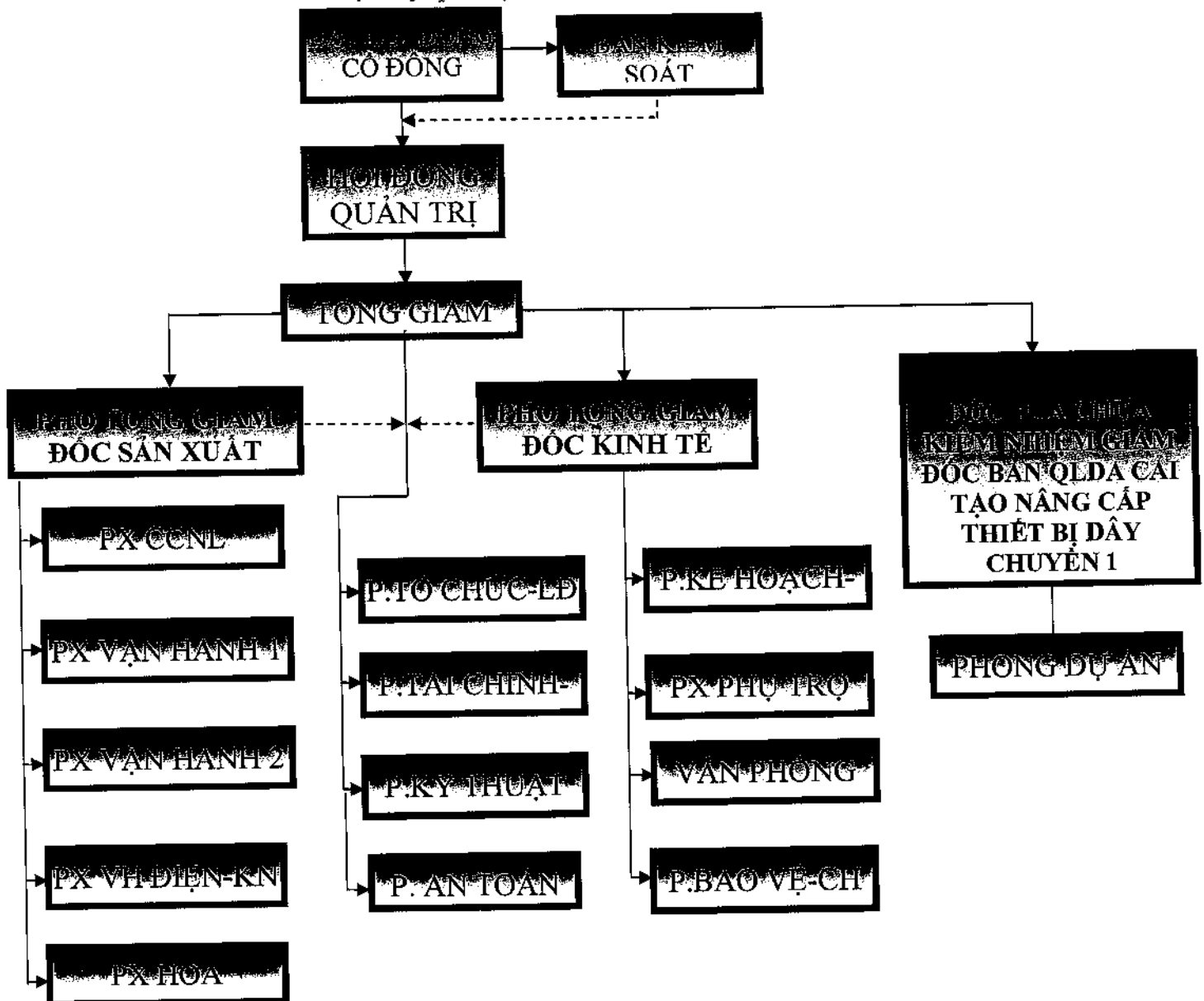
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3 Các công ty con, Công ty liên kết

- Công ty con: Không.
- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- + Địa chỉ: Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
- + Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- + Vốn thực góp: 1.451.055.770.150 VND
- + Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 25,97%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 5,6 tỷ kWh trở lên;
- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.
- Thực hiện các dự án về môi trường nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất điện đi liền với hoạt động bảo vệ môi trường.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục việc thực hiện các dự án môi trường.
- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.
- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2018 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao.

Ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp và nhiệm vụ cụ thể, trong đó trọng tâm là đề án “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động” nhằm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Trong năm, Công ty sản xuất được 5,61 tỷ kWh đạt 109,79 % so với kế hoạch năm. Đồng thời, thực hiện tốt công tác bám sát thị trường góp phần tăng doanh thu bán điện cùng với việc thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất, lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 1.407,87 tỷ đồng, bằng 191,39% so với kế hoạch.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh TH 2018/TH 2017 (%)	So sánh TH2018/KH 2018 (%)
1.	Sản lượng điện sản xuất (Triệu kWh)	4,998.00	5,107.00	5,607.46	112.19	109.80
2.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Triệu đồng)	790,712.00	603,774.32	1,147.154,56	145.08	189.99
3.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính (Triệu đồng)	292,332.00	201,180.00	363,863.62	124.47	180.86
4.	Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	1,003,196.00	735,618.24	1,407.870,01	140.33	191.39

(Nguồn BCTC PPC đã kiểm toán năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/5/2018)

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành

1. Ông Phạm Kim Lâm - Chủ tịch HĐQT – miễn nhiệm ngày 12/5/2018;
2. Ông Nguyễn Văn Thủy - Chủ tịch HĐQT – Bầu ngày 12/5/2018
3. Ông Phạm Văn Thư - Tổng Giám đốc;
4. Ông Nguyễn Văn Quyên - Phó Tổng Giám đốc;
5. Ông Nguyễn Văn Thủy - Phó Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 12/5/2018;

6. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc.
7. Ông Lê Thế Sơn - Kế toán trưởng

1	Ông Phạm Kim Lâm	
❖	Chức danh	Chủ tịch Hội đồng quản trị - miễn nhiệm ngày 12/5/2018
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/12/1958
❖	Nơi sinh	Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	141786765 cấp ngày 05/01/2006 tại Hải Dương
❖	Trình độ đào tạo	Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị.
❖	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 05/1984 – 08/1993:	Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 09/1993 – 08/2004:	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 09/2004 – 04/2008:	Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phả Lại (Từ tháng 01/2006 là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)
	- Từ 17/4/2008 – 07/12/2012:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 08/12/2012 đến tháng 04/2013:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
	- Từ 05/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	
	- Số cổ phần cá nhân sở hữu	105.840 cổ phần
	- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Đại diện 40% Phần vốn NN của Tổng Công ty Phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 66.556.758 CP.
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
2	Ông Nguyễn Văn Thủy	

❖	Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT- Bầu mới ngày 12/5/2018
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/6/1963
❖	Nơi sinh	Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, T.Bắc Ninh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, TX Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142469226 cấp ngày 12/01/2006 tại CA Hải Dương
❖	Trình độ đào tạo	Kỹ sư Tự động hóa. Cao cấp lý luận chính trị
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 04/1987 – 03/1992:	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại.
	- Từ 04/1992 – 01/1995:	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Đại tu điện kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 02/1995 – 06/1999:	Trưởng ca sản xuất NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/1999 – 10/2001:	Quản đốc phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 11/2001 – 01/2006:	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa tự động - điều khiển NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 02/2006 – 08/2010:	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 09/2010 – 06/2012:	Quản đốc phân xưởng Vận hành 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	15 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
3	Ông Phạm Văn Thư	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	07/08/1959
❖	Nơi sinh	Xã Việt Tiến, Huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng
❖	Quốc tịch	Việt Nam

❖ Dân tộc	Kinh
❖ Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖ Trình độ văn hoá	10/10
❖ Số CMND	141403938 cấp ngày 13/01/2006 tại Hải Dương
❖ Trình độ đào tạo	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân chính trị.
❖ Quá trình công tác:	
- Từ 11/1977 – 08/1982:	Công nhân sửa chữa lò hơi nhà máy điện Việt Trì - Vĩnh Phúc
- Từ 09/1982 – 08/1986:	Công nhân sửa chữa lò - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 09/1986 – 05/1990:	Học trường Đại học công nghiệp Thái Nguyên
- Từ 06/1990 – 07/1992:	Kỹ thuật viên phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 08/1992 – 06/2000:	Phó quản đốc phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 07/2000 – 12/2005:	Quản đốc phân xưởng Đại tu cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 01/2006 – 06/2007:	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa cơ nhiệt - Công ty CP nhiệt điện Phả Lại
- Từ 07/2007 – 11/2011:	Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
- Từ 12/2011 – 04/2013:	Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
- Từ 05/2013 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
❖ Số cổ phần nắm giữ:	
- Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ	90.050 cổ phần
- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Đại diện 30% Phần vốn NN của Tổng công ty phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP.
❖ Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
4 Ông Nguyễn Văn Quyên	
❖ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖ Giới tính	Nam

❖	Ngày tháng năm sinh	10 tháng 03 năm 1960
❖	Nơi sinh	Thuy Phong, Thái Thụy, Thái Bình
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Nhà 44/77 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng Hà Nội
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	Chứng Minh thư số 013286129 cấp ngày 17 tháng 04 năm 2010 do công an Hà Nội cấp
❖	Trình độ đào tạo	Thạc Sĩ QTKD
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 1984 – 1988:	Nhân viên phòng kế hoạch vật tư – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 1988 – 1990:	Nhân viên phòng vật tư sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 1990 – 1992:	Học lớp bồi dưỡng kế toán cho kỹ sư học tại trường bồi dưỡng Cán bộ Thanh Xuân Hà Nội
	- Từ 1990 – 1996:	Nhân viên phòng Tài vụ sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 1996 – 10/1997:	Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
	- Từ 10/1997 – 06/2002:	Phó phòng TCKT Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
	- Từ 07/2002 – 11/2002:	Phó phòng kế hoạch Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
	- Từ 11/2002 – 06/2013:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng. Năm 2009 đến 2010 học thạc sĩ QTKD
	- Từ 06/2012 – 11/2013:	Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
	- Từ 11/2013 – 07/2015:	Ủy viên HĐQT kiêm phó tổng Giám đốc kinh tế Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
	- Từ 07/2015 đến nay	Phó Tổng giám đốc kinh tế Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại, kiêm ủy viên HĐQT Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
❖	Số cổ phần nắm giữ	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
5	Ông Nguyễn Văn Tuấn	
❖	Chức vụ hiện tại	- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

		- Kiểm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1.
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	18/08/1961
❖	Nơi sinh	Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142464379
❖	Trình độ đào tạo	Thạc sỹ QTKD; kỹ sư hệ thống điện
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 10/1982 – 03/1999:	Kỹ thuật viên vận hành lò nhà máy điện Phả Lại
	- Từ 04/1999 – 04/2000:	Kỹ thuật viên Tổ CBSX Ban QLDA Phả Lại
	- Từ 05/2000 – 03/2003:	Phó quản đốc PX vận hành nhà máy điện Phả Lại
	- Từ 04/2003 – 05/2005:	Quản đốc PX vận hành 2 nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 05/2005 – 08/2010:	Quản đốc PX vận hành 2 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 09/2010 – 06/2015:	Trưởng phòng Tổ chức Lao động Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2015 đến nay	- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. - Kiểm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1.
❖	Số cổ phần nắm giữ	75.810 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
6	Ông Lê Thế Sơn	
❖	Chức vụ hiện tại	- Kế toán trưởng
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	04/02/1962
❖	Nơi sinh	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142469006
❖	Trình độ đào tạo	Thạc sỹ QTKD; Cử nhân kinh tế
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 04/1984 – 02/1998:	Kế toán viên, Nhà máy Diezen Sông Công
	- Từ 03/1998 – 03/2001:	Kế toán viên, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 04/2001 – 04/2008:	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 05/2008 – 06/2008:	Phụ trách phòng Tài chính Kế toán, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2008 – 03/2009:	Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 04/2009 – Đến nay:	Kế toán trưởng, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	7.140 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2018: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Số TT	ĐƠN VỊ	Số LĐ đầu kỳ 01/01/2018	LD tăng trong kỳ	LD giảm trong kỳ	Số LĐ cuối kỳ 31/12/2018
A	SẢN XUẤT ĐIỆN				
1	Viên chức quản lý	7	1	2	6
2	Đoàn thể	3	1	0	4
3	Văn phòng	114	42	47	106
4	Tổ chức - Lao động	9	0	1	8
5	Tài chính - Kế toán	8	1	1	8
6	Kế hoạch - Vật tư	57	8	18	48
7	Bảo vệ - Cứu hỏa	58	0	3	55
8	Kỹ thuật	31	1	1	31
9	An toàn	5	0	0	5
10	PX Vận hành 1	209	2	9	203
11	PX Vận hành 2	308	12	11	308
12	PX Vận hành điện - KN	99	3	4	98
13	PX Cung cấp nhiên liệu	203	60	73	193
14	PX Hóa	57	7	8	55
15	PX Phụ trợ	17	0	4	14
16	Ban quản lý dự án	7	0	0	7

	Cộng:	1.192	138	182	1.149
B	SẢN XUẤT KHÁC	18	0	0	17
	Tổng cộng:	1.210	138	182	1.166

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Công ty đã xây dựng và ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng đối với CBCNV Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo đúng hướng dẫn của các văn bản pháp luật hiện hành và Quyết định số 214/QĐ-EVN ngày 09/12/2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho NLD công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty giữ được sự ổn định so với năm trước.

b) Quản trị nguồn nhân lực :

Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ quản lý; Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi NLD về hưu hoặc chuyển công tác; Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo đại học và sau đại học, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia.

c) Chính sách khác: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLD được hưởng cao hơn so với luật như:

+ Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;

+ NLD đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nếu có nguyện vọng sẽ được Công ty xem xét tuyển dụng con (con đẻ, con nuôi hợp pháp) vào làm việc khi có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển dụng của Công ty;

+ Thường cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất. Thường cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLĐ được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.

+ Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 20.000.000 đồng nếu không may bị chết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình kết quả đầu tư tài chính, góp vốn vào doanh nghiệp khác tại thời điểm 31/12/2018 như sau (số liệu trích từ BCTC PPC đã được kiểm toán năm 2018):

Năm 2018, Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là 249,31 tỷ đồng. Doanh thu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay... đạt 182,69 tỷ đồng, cổ tức lợi nhuận được chia 66,61 tỷ đồng.

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty năm 2018 là: -114,55 tỷ đồng. Bao gồm: Lãi tiền vay 24,47 tỷ đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 16,22 tỷ đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại nợ vay cuối kỳ là 23,81 tỷ đồng; và hoàn nhập dự phòng đầu tư -179,09 tỷ đồng, chi phí tài chính khác: 0,35 tỷ đồng.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2018 là 363,86 tỷ đồng.

3.2. Đầu tư ngắn hạn (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).

Đến 31/12/2018, tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn là: 2.609,47 tỷ đồng. Trong đó:

- Các khoản tương đương tiền là: 143,4 tỷ đồng, bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn dưới 03 tháng.

- Các khoản tiền gửi ngắn hạn: 1.180 tỷ đồng, bao gồm các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 03 tháng và 06 tháng.

- Các khoản EVN và GENCO 2 huy động vốn: 1.883,47 tỷ đồng.

+ Tại ngày 31/12/2018, tổng số tiền Công ty cho EVN huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án ngành điện là 745 tỷ đồng. Trong năm 2018 công ty đã nhận được số tiền gốc EVN trả là: 535 tỷ đồng và tiền lãi: 96,43 tỷ đồng.

+ Tại ngày 31/12/2018, tổng số tiền Công ty cho GENCO 2 huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án là 188,17 tỷ đồng. Trong năm 2018 công ty đã nhận được số tiền gốc GENCO 2 trả là: 415,3 tỷ đồng; và số tiền lãi bằng tiền từ khoản huy động vốn này là 20,04 tỷ đồng.

3.3. Đầu tư dài hạn (Đầu tư các dự án điện):

Đến 31/12/2018 Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư các dự án điện 2.535,89 tỷ đồng. Trong đó:

- Góp vốn vào công ty liên kết:

Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) với tổng số tiền là: **1.451,05** tỷ đồng, tương đương với 129.850.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ. Năm 2018, Công ty đã nhận tiền cổ tức với tổng số tiền là 45,45 tỷ đồng. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của HND tương đối tốt, lợi nhuận sau thuế TNDN đạt: 424,88 tỷ đồng.

- Đầu tư các dự án điện khác:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) với tổng số tiền là: 817,29 tỷ đồng tương đương với 73.587.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 16,35% vốn điều lệ. Kết quả sản xuất kinh doanh QTP năm 2018 tương đối tốt, lợi nhuận sau thuế TNDN là 275,22 tỷ đồng. Đến 31/12/2018 còn lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa phân bổ là 128,9 tỷ đồng (số đầu năm là 257,8 tỷ đồng)

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EIC) từ năm 2010 đến nay với tổng số tiền là: **70,8** tỷ đồng tương đương với 7.080.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 19,3%. Trong năm 2018, kết quả sản xuất kinh doanh của EIC đã có lợi nhuận và lợi nhuận này đạt được chủ yếu từ công tác Tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát. Các dự án Thủy điện cơ bản hoàn thành theo đúng mục tiêu tiến độ của dự án. Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Tổ máy số 8 đã được lắp đặt hoàn thành và chạy thử thách 72h thành công vào ngày 21/10/2018. Như vậy, đến nay Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 đã đưa vào vận hành đủ 8 tổ máy theo thiết kế. Dự án Hạ Sê san 2- Campuchia được khởi công từ tháng 1/2014. Đến tháng 12/2017 các tổ máy số 1 & 2 được lắp đặt hoàn thành phát điện hòa lưới điện Campuchia; Tháng 10/2018 toàn bộ 8 tổ máy đã được lắp đặt hoàn thành. Ngày vận hàng thương mại (COD) của dự án đã được Tổng công ty Điện lực Campuchia chấp thuận phê duyệt ngày 17/12/2018 lúc 10:30. Tính đến thời điểm hiện nay, Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát được 1.065 GWh và vận hành an toàn 374 ngày. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của Công ty CP EVN Quốc tế là 1,52 tỷ đồng.

+ Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với tổng số tiền góp vốn là: **50,25** tỷ đồng tương đương với 5.025.000 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ. Số CP sở hữu sau khi nhận CP thưởng là 5.703.375 CP. Năm 2018, Công ty đã nhận cổ tức bằng tiền là 8,56 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đạt 93,56 tỷ đồng

+ Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam với tổng giá trị góp vốn là **100** tỷ đồng. Cùng với cổ phiếu thưởng, số lượng cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2018 là 10.876.594 cổ phần. Năm 2018 Công ty đã nhận được cổ tức bằng tiền là: 10,88 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của Công ty Cổ phần phát triển điện lực đạt 174,29 tỷ đồng (tương ứng 15,8% VDL).

+ Năm 2007, Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) với tổng số cổ phiếu là 670.000 cổ phiếu tương đương **46,498** tỷ đồng. Công ty đã nhận cổ tức bằng tiền là: 1,74 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa đạt 139,85 tỷ đồng.

3.4. Các khoản đầu tư khác

Khoản Ủy thác quản lý vốn tại Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) tại ngày 31/12/2018 là: 14,35 tỷ. Do hợp đồng UTQLV đã hết hạn từ 6/12/2015 nhưng BVF không thực hiện hoàn trả tiền cho PPC. Tháng 4/2016, PPC chuyển khoản đầu tư này sang khoản phải thu và thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định. Tháng 7/2016 PPC cùng đơn vị Tư vấn luật khởi kiện BVFMC ra tòa. Đến tháng 1/2018, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã thụ lý hồ sơ khởi kiện. PPC trên đã sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi vốn kể cả gửi văn bản đến Tập đoàn Bảo Việt và Chủ tịch Tập đoàn Bảo Việt nhưng đều không có hồi đáp. PPC cùng luật sư của mình nhiều lần yêu cầu Tòa án đưa vụ việc ra xét xử nhưng do tình tiết quan hệ tranh chấp của vụ án phức tạp nên công việc xét xử của Tòa án đã không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thời gian tới PPC và Luật sư tiếp tục đôn đốc và có các văn bản kiến nghị hoặc khiếu nại gửi đến Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để thúc đẩy vụ án và thực hiện việc truy đòi lại số tiền tại BVF.

4. Tình hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	So sánh 2018/2017 (%)
1.	Tổng giá trị tài sản	6,974.94	7,548.45	92.40
2.	Doanh thu thuần	7,116.83	6,235.98	114.13
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,422,23	1,002.37	141.88
4.	Lợi nhuận khác	- 14.36	0.83	- 1,730.12
5.	Lợi nhuận trước thuế	1,407.87	1,003.20	140.34
6.	Lợi nhuận sau thuế	1,122.45	854.00	131.43
7.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3,501.00	2,680.00	130.63

(Nguồn BCTC PPC đã kiểm toán năm 2018)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
	+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn: (TSLĐ (TSNH)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2.96	2,29	
	+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2.78	1,94	

	TSLĐ - Hàng tồn kho				
	Nợ ngắn hạn				
	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
2	+ Hệ số Nợ (nợ phải trả/ Tổng tài sản)	Lần	0.19	0,27	
	+ Hệ số Tài trợ (Nợ phải trả/Vốn CSH)	Lần	0.23	0,38	
	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
3	+ Vòng quay hàng tồn kho:				
	Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Lần	15.14	9,87	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.02	0,80	
	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
4	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	15.77	13,68	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19.87	15,59	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	16.09	11,31	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) Cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông: Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông tính đến ngày 12/12/2018 (ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2018):

TT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Số CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
			nắm giữ		
I	Tổng số cổ phần		326,235,000	100	
1	Cổ phiếu quỹ	1	5,621,946	1.72	
2	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	3	271,569,795	83.24	Genco2; REE; SAMARANG UCITS.
3	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	7649	49,043,259	15.03	
II.2	Phân loại CP đang lưu hành theo chủ thể sở hữu				
II.2.1	Cá nhân	7523	22,351,301	6.85	
II.2.2	Tổ chức	130	303,883,699	93.15	
II.2.3	Trong nước	6981	273,150,148	83.73	
II.2.4	Nước ngoài	672	53,084,852	16.27	
II.2.5	Cổ đông nhà nước	2	166,391,895	51.00	
II.2.6	Cổ đông khác	7651	159,843,105	49.00	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: *Không*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên liệu sử dụng trong năm

Tổng lượng than sử dụng để sản xuất điện là: 2,97 triệu tấn.

Tổng lượng dầu sử dụng để sản xuất điện là: 6,97 nghìn tấn.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không*

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Năm 2018, Sản lượng điện tự dùng cho sản xuất là: 517,49 triệu kWh.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước Sông Lục đầu Giang

- Lượng nước trong sử dụng: phục vụ hoạt động làm mát máy là 750.691.821 m³ .

b) Tỷ lệ lượng nước tái chế và tái sử dụng: 99,87%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Lao động bình quân năm 2018 là 1.170 người, mức tiền lương bình quân 14,92 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân của người lao động là 16,94 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện việc bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho NLD làm công việc nặng nhọc độc hại. Năm 2018, công ty đã thực hiện bồi dưỡng độc hại hơn 850 lao động, với số tiền tương ứng 2,97 tỷ đồng.

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ đợt 1 cho 850 lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại và đợt 2 cho toàn bộ người lao động trong Công ty. Năm 2018, Công ty đã tổ chức cho 261 CBCNV đi tham quan du lịch trong nước và nước ngoài từ Quỹ khen thưởng phúc lợi. Thường trực giải quyết thăm hỏi, trợ cấp khó khăn cho 206 lượt NLD và gia đình NLD ốm đau, khó khăn, cha già mẹ héo với tổng số tiền là 299,11 triệu đồng

Phổ biến kiến thức, huấn luyện ATLĐ, VSLĐ và an toàn điện định kỳ cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Đã cử cán bộ (hoặc diện quy hoạch) tham gia khóa đào tạo đại học (01 người), sau đại học (05 người) và đào tạo Cao cấp lý luận chính trị (01);

- Công ty cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, cập nhật phần mềm, hội nghị, hội thảo... do EVN, GENCO2 và các đơn vị ngoài tổ chức đúng đối tượng và đủ số lượng theo yêu cầu (84 lượt người).

- Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý cấp 3 và cấp 4 cho: 8 lượt cán bộ;

- Cử CBCNV tham gia các khóa huấn luyện Quốc phòng an ninh và Dân quân tự vệ: cho 204 lượt người;

- Công ty thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV nhằm nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn cho CBCNV như:

* Tổ chức huấn luyện ATLĐ, VSLĐ, an toàn điện và Bồi huấn kiến thức sơ cứu tai nạn lao động cho trên 1.000 CBCNV;

* Huấn luyện An toàn vệ sinh thực phẩm cho 40 người làm công tác quản lý và chế biến thực phẩm;

* Huấn luyện phần mềm HRMS cho 50 CBCNV;

* Tập huấn công tác cứu nạn, cứu hộ cho 80 CNV;

* Tổ chức khóa đào tạo Văn hóa doanh nghiệp cho toàn thể CBCNV trong Công ty (1.139 người);

* Tổ chức khóa bồi huấn sử dụng Eoffice 3.1 và chữ ký số cho gần 100 CBCNV;

* Tổ chức khóa tập huấn nghiệp vụ Công đoàn, Nữ công cho 162 cán bộ công đoàn và nữ công;

Tổ chức khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho 118 CBCNV làm công tác đào tạo trong Công ty.

Ngoài ra Công ty còn cử CBCNV tham gia nhiều khóa đào tạo khác đáp ứng yêu cầu;

- Các phân xưởng đã phối hợp với các phòng chức năng tổ chức các khóa bồi huấn thường xuyên, tổ chức diễn tập các tình huống sự cố, họp rút kinh nghiệm, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân kỹ thuật nhằm hạn chế tai nạn lao động và sự cố xảy ra (sát hạch nghề) cho 687 CNKT;

- Tổ chức đào tạo chức danh cho 102 lượt CNKT đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty;

- Tổ chức kèm cặp và tổ chức thi nâng bậc 80 CNKT, giữ bậc cho 163 công nhân kỹ thuật đúng đối tượng và đúng quy định;

Ngoài ra Công ty còn cử trên 150 lượt CBCNV tham gia các khóa tập huấn, Hội nghị, Hội thảo ... do EVN và GENCO2 và các đơn vị ngoài tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tích cực tham gia công tác xã hội, cụ thể những hoạt động xã hội chính trong năm 2018 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện:

Tổ chức Tết cho các gia đình khó khăn; Phối hợp với chuyên môn nhận phụng dưỡng 5 mẹ VNAHH; Trợ cấp nhân đạo, hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, hội khuyến học, các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, Công ty đã làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác an sinh xã hội, hỗ trợ các huyện nghèo theo nghị quyết 30a của Chính phủ; Tổ chức thăm và tặng quà thương bệnh binh tại Trung tâm Điều dưỡng Thuận Thành, Bắc Ninh vào ngày thương binh liệt sĩ và ngày tết cổ truyền của dân tộc; Hỗ trợ xây dựng 30 nhà vệ sinh cho hộ nghèo trên địa bàn Phả Lại.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu năm 2018 cao hơn so với kế hoạch và năm 2017, năm 2018 đạt 7.372,45 tỷ đồng, trong đó, doanh thu từ sản xuất điện năm 2018 đạt 7.101,91 tỷ đồng

Doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác: 270,54 tỷ đồng. Trong đó, Doanh thu từ lãi tiền gửi, tiền vay là 182,70 tỷ đồng, cổ tức nhận được là 66,61 tỷ đồng.

b) Chi phí SXKD

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh năm 2018 là: 5.964,58 tỷ đồng trong đó, chi phí sản xuất điện là 6.048,6 tỷ đồng, Chi phí lãi vay giảm từ 72 tỷ đồng (năm 2017) xuống còn 24,4 tỷ đồng (năm 2018).

c) Lợi nhuận

Với các yếu tố tác động tới doanh thu và chi phí, lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 1.407,87 tỷ đồng bằng 191,39% kế hoạch năm và cao hơn 40,33% so với năm 2017.

Năm 2018 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã có những tiến bộ sau:

+ Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn, phù hợp với yêu cầu sản xuất-kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn.

+ Dàn hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty.

+ Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

+ Tăng cường công tác quản lý sản xuất kinh doanh nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí và đạt lợi nhuận cao nhất.

- Các biện pháp kiểm soát:

+ Duy trì công tác đánh giá nội bộ việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;

+ Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

+ Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2018 tài sản của công ty có sự biến động, cụ thể tổng tài sản đầu năm là 7.548,45 tỷ đồng cuối năm là 6.974,94 tỷ đồng giảm 573,51 tỷ đồng. Nguyên nhân chính do trong năm Công ty trả nợ trước hạn khoản vay dài hạn hơn 2,19 tỷ Yên Nhật. Do vậy, tiền và tương đương tiền cuối kỳ 143,4 tỷ đồng thấp hơn so với đầu năm 208,92 tỷ đồng. Phải thu về cho vay ngắn hạn giảm từ 950,3 tỷ đồng (1/1/2018) xuống còn 723,17 tỷ đồng (31/12/2018).

b) Tình hình nợ phải trả

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và chịu tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó chính là khoản vay JPY. Đây là khoản vay do Tập đoàn điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26/01/2006. Trong năm 2018, Công ty đã trả nợ trước hạn hơn 2,19 tỷ JPY. Đến thời điểm 31/12/2018 Công ty còn nợ là: 2,5 tỷ JPY tương đương với 530,43 tỷ đồng.

Mặc dù được vay với lãi suất thấp (lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5%/năm, phí cho vay lại của EVN là 0,2%/năm) nhưng những biến động của tỷ giá là khó kiểm soát, tạo khó khăn cho Công ty trong kế hoạch cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh. Do số dư nợ vay cuối năm 2018 chỉ còn hơn 2,5 tỷ JPY, nên từ năm 2018 Công ty sẽ giảm bớt rủi ro từ tỷ giá từ khoản vay này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2018, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên. Tiếp tục thực hiện đề án “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động”

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,... mang lại hiệu quả cao.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ.

Thực hiện tốt việc giám sát môi trường định kỳ hằng tháng và hàng quý. Công ty ký hợp đồng thuê Trung tâm Môi trường và sản xuất sạch thực hiện, dưới sự giám sát toàn diện của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương.

- Đã thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

- **Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thuế Tài nguyên nước.** Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về nộp thuế tài nguyên nước và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- **Công tác quản lý nước thải:** Các đơn vị đã thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, theo đúng quy trình, thiết kế. Qua các đợt quan trắc hằng tháng và quý, các chỉ tiêu nước thải: nước tuần hoàn, nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, nước thải tổng xỉ, hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN40:2011/BTNMT, QCVN14:2008/BTNMT. Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đo lưu lượng và nhiệt độ tại các xả nước làm mát của 02 dây chuyền.

- **Công tác quản lý nước mặt.** Môi trường nước mặt qua các đợt quan trắc hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08- MT:2015/BTNMT.

- Công tác quản lý khí thải.

+ Dây chuyền 1 với công suất 440 MW gồm 8 lò hơi 4 tổ máy được xây dựng từ năm 1983 các thiết bị đồng bộ của Liên Xô.

Khí thải của 8 lò hơi đều được đi qua 8 lọc bụi tĩnh điện (hiệu suất 99,19%) để khử bụi. Khí sạch bụi được thải qua ống khói cao 205m ra ngoài môi trường.

DC1 được xây dựng từ những năm 1980 theo công nghệ cũ không có hệ thống khử SO_x và NO_x. Tuy nhiên Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo ĐTM Quyết định phê duyệt số: 1980/QĐ-MTg ngày 20/8/1996.

Hiện Công ty đang có dự án triển khai cải tạo nâng cấp hệ thống lọc bụi tĩnh điện và lắp đặt hệ thống khử lưu huỳnh DC1.

+ Dây chuyền 2 với công suất 600MW gồm 2 tổ máy được xây dựng từ năm 2001 do Nhật Bản đầu tư.

Công ty đã lắp đặt 04 bộ lọc bụi tĩnh điện để xử lý bụi trong khí thải, đối với SO_x trong khí thải: trang bị hệ thống FGD sử dụng công nghệ phun đá vôi kiểu ướt để tách SO_x trong khói thải. Khí thải sau khi được xử lý thổi qua hai tháp hấp phụ FGD để khử SO_x, sau đó khí thải qua ống khói cao 200m ra ngoài môi trường.

Tại DC2 có trang bị hệ thống thu tro bay kiểu khô tách ra từ các lọc bụi tĩnh điện và chứa vào các xy lô.

Hiện tại Công ty đã lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc khí thải và truyền số liệu liên tục đến sở Tài nguyên và Môi trường.

- Về quản lý chất thải rắn:

Tình hình quản lý chất thải rắn thông thường.

Các loại chất thải rắn thông thường gồm có Bê tông, gạch, đá, đất, bùn. Được công ty thu gom và tập kết vào bãi rác theo quy định.

Để xử lý chất thải rắn Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng về thu gom vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định.

Về tro xỉ.

Việc xử lý tro xỉ tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã được thực hiện theo thiết kế và theo đúng ĐTM của hai dây chuyền là: tro xỉ được pha trộn với nước và được hệ thống bơm thải xỉ đưa lên hồ xỉ Khe Lãng, Bình Giang qua hệ thống đường ống và luôn giữ ngập nước để đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tro xỉ của Công ty đã được tận dụng và tái sử dụng lại. Công ty đã ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để xử lý làm phụ gia cho vật liệu xây dựng.

- Về quản lý chất thải nguy hại.

Công ty thu gom, lưu giữ, bảo quản và tập kết vào bãi chứa rác theo đúng quy định. Công ty đã có kho và phân loại từng ngăn để chứa CTNH. Nhà kho chứa CTNH tạm thời đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và phân loại từng ngăn để chứa CTNH trước khi chuyển đi xử lý.

Để xử lý chất thải nguy hại Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng về thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Công ty đã đăng ký và đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (Mã số QLCTNH: 30.000022.T) ngày 25/01/2013 cấp lại lần 02.

Về việc quản lý chất thải PCB Công ty đã quản lý rất chặt chẽ riêng biệt theo quy định của Tổng Cục môi trường. Được tài trợ của ngân hàng thế giới và chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam chọn là vị trí xây kho trình diễn chứa PCB. Công ty đã triển khai tích cực theo đúng tiến độ mà Tập đoàn giao cho. Hiện nay Công ty đã triển khai xong đề án xây dựng kho chứa theo dự án của Tập đoàn Điện lực Việt Nam công tác quản lý các chất có chứa PCB tại Công ty.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Trong năm Công ty thực hiện tăng cường việc chấp hành kỷ luật, tăng năng suất lao động. Bảo đảm thu nhập bình quân của người lao động cao hơn năm trước. Kết hợp với Công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của NLD. Trong năm, công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD, khám phụ khoa cho lao động nữ, đặc biệt đối với công nhân làm công việc nặng nhọc độc hại được khám 2 lần trong năm. Thực hiện việc bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật theo đúng quy định cho NLD làm công việc nặng nhọc độc hại

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tích cực tham gia công tác xã hội, cụ thể những hoạt động xã hội chính trong năm 2018 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện:

Tổ chức Tết cho các gia đình khó khăn; Quyên góp ủng hộ vùng bão lụt, vùng biên cương hải đảo. Phối hợp với chuyên môn nhận phụng dưỡng 5 mẹ VN Anh hùng; Trợ cấp nhân đạo, hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, hội khuyến học, ủng hộ xây dựng nhà vệ sinh cho hộ nghèo phường Phả Lại; Tổ chức thăm và tặng quà thương bệnh binh tại Trung tâm Điều dưỡng Thuận Thành, Bắc Ninh... Với tổng kinh phí ước tính hàng tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Về Sản xuất điện: Năm 2018 sản lượng điện sản xuất đạt 109,8% theo kế hoạch, đây là sự cố gắng của toàn thể CBCNV-NLĐ trong Công ty đã chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong mọi điều kiện kể cả khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Mặc dù năm 2018 phải đại tu hai tổ máy S3, S4 DC1 và dừng tổ máy S5 DC2 sửa chữa 60 ngày theo phương thức đăng ký trong năm 2018, trong khi đó Qc được giao cho hai dây chuyền chỉ bằng 80% theo phương án giá điện. Trước những khó khăn như vậy, Công ty đã xây dựng phương án sản xuất trên cơ sở củng cố tốt các tổ máy để đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất và đảm bảo công suất phát tối đa khi hệ thống yêu cầu; xây dựng kịch bản thị trường điện trên nguyên tắc bám sát kế hoạch huy động theo Qc và tận dụng tối đa cơ hội phát thị trường khi chi phí biến đổi thấp hơn giá thị trường huy động; công tác bảo dưỡng thiết bị sẽ thực hiện tối đa công việc khi các tổ máy dừng theo kế hoạch và dừng ở trạng thái dự phòng, công việc sửa chữa sự cố phải lập phương án thực hiện nhanh nhất nhưng đảm bảo an toàn tuyệt đối và chất lượng tốt, tổ chức thực hiện đại tu các tổ máy đúng tiến độ theo kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Các phương án trên được triển khai từ ngày đầu của năm và sự vào cuộc đồng bộ của các đơn vị. Vì vậy, các tổ máy đều có hệ số khả dụng cao, sẵn sàng phát với công suất cao nhất và thời gian đại tu, sửa chữa được rút ngắn. Ngay từ những tháng đầu năm các tổ máy đã phát điện ổn định, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống, đặc biệt vào những thời điểm giá thị trường cao các tổ máy đều phát đầy tải, đã mang lại lợi ích kinh tế rất tốt.

- Về Tài chính: Năm 2018, Lợi nhuận trước thuế của Công ty vượt KH được ĐHCĐ giao. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty như hệ số thanh toán, hệ số nợ, Cơ cấu nguồn vốn đều bảo đảm ở mức tốt và an toàn.

- Về trách nhiệm môi trường: Công ty đã tích cực trong công tác môi trường, như thực hiện quan trắc, đo đạc môi trường. Triển khai các dự án về lọc bụi, khử khí CO_x, SO_x ... Tuy nhiên tiến độ vẫn còn chậm.

- Về trách nhiệm xã hội: Công ty đã tích cực tham gia có trách nhiệm các hoạt động xã hội với giá trị là 1,99 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy, các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đạt KH ở mức khá cao tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;

Phấn đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;

Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

Chấp hành đúng các quy định về môi trường, chăm lo đời sống người lao động và tích cực và có trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	-	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - miễn nhiệm ngày 12/5/2018
Ông Nguyễn Văn Thủy	-	Chủ tịch HĐQT – Bầu ngày 12/5/2018
Ông Phạm Văn Thư	-	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Thanh	-	Thành viên Hội đồng Quản trị - Miễn nhiệm ngày 12/5/2018
Ông Nguyễn Văn Quyên	-	Thành viên HĐQT – Bầu ngày 12/5/2018

- Ông Nguyễn Quang Quyền - Thành viên Hội đồng Quản trị
 Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng Quản trị
 - Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu/đại diện	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành		
1.	Ông. Nguyễn Quang Quyền		Giám đốc đầu tư Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE
2.	Ông. Lê Tuấn Hải		Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE
II	Thành viên Hội đồng quản trị khác		
1.	Ông. Nguyễn Văn Thủy	15/66.556.758	ĐD 40% phần vốn Nhà nước tại PPC
2.	Ông. Phạm Văn Thư	90.050/49.917.569	ĐD 30% phần vốn Nhà nước tại PPC
3.	Ông Nguyễn Văn Quyền	49.917.569	ĐD 30% phần vốn Nhà nước tại PPC

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thông qua Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Các Đại Hội đồng cổ đông trong năm 2018.

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018	12/5/2018	1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán. 2. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018. 3. Thông qua mức trả cổ tức, phân phối lợi nhuận năm 2017 và dự kiến mức cổ tức năm 2018. 4. Thông qua mức chi trả tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2017 và Dự kiến năm 2018. 5. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm

			<p>toán năm 2018: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị thực hiện.</p> <p>6. Thông qua mô hình quản trị Công ty.</p> <p>7. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</p> <p>8. Thông qua sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị Công ty.</p> <p>9. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p>10. Thông qua bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty.</p>
--	--	--	--

- Các quyết Nghị quyết, quyết định biên bản trong năm 2018.

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết Số 136/ NQ-PPC	26/02/2018	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
2	Nghị quyết Số 137/ NQ-PPC	07/03/2018	Hoãn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3	Nghị quyết Số 138/ NQ-PPC	19/03/2018	Hoãn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
4	Nghị quyết Số 139/ NQ-PPC	21/03/2018	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
5	Nghị quyết Số 140/ NQ-PPC	23/03/2018	Giao nhiệm vụ phụ trách phân xưởng cung cấp nhiên liệu cho Ông Nguyễn Văn Thường - hiện đang là Phó Quản đốc phân xưởng.
6	Nghị quyết Số 141/ NQ-PPC	09/04/2018	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt.
7	Nghị quyết Số 142/ NQ-PPC	23/04/2018	Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
8	Nghị quyết Số 143/ NQ-PPC	23/04/2018	Cử Người làm đại diện phần vốn và tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP nhiệt điện Quảng Ninh nhiệm kỳ 2018-2023.
9	Nghị quyết Số 144/ NQ-PPC	27/04/2018	Giao nhiệm vụ phụ trách Phòng Kế hoạch vật tư cho Ông Trịnh Hoàng Nhân – hiện đang là Phó Trưởng Phòng KHVT.
10	Nghị quyết Số 145/ NQ-PPC	12/05/2018	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
11	Nghị quyết	15/05/2018	Trả cổ tức bằng tiền mặt lần 3 năm

	Số 146/ NQ-PPC		2017.
12	Nghị quyết Số 147/ NQ-PPC	30/05/2018	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
13	Nghị quyết Số 148/ NQ-PPC	12/06/2018	Cử cán bộ tham gia ban kiểm soát Công ty Cổ phần EVN Quốc tế.
14	Nghị quyết Số 149/ NQ-PPC	21/06/2018	Ký hợp đồng kiểm toán năm 2018.
15	Nghị quyết Số 150/ NQ-PPC	02/7/2018	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
16	Nghị quyết Số 151/ NQ-PPC	02/7/2018	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
17	Nghị quyết Số 152/ NQ-PPC	09/11/2018	Họp HĐQT quý 3 năm 2018
18	Nghị quyết Số 153/ NQ-PPC	26/11/2018	Tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt

Ngoài các Nghị quyết/Quyết định trên trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã ra 144 Quyết định về việc phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao 100% ý kiến biểu quyết tán thành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 02 thành viên độc lập không điều hành là Ông Nguyễn Quang Quyền và Ông Lê Tuấn Hải là người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT này đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên:

- 1 - Ông Nguyễn Quang Huy - Trưởng Ban Kiểm soát.
- 2 - Ông Hồ Trung Thành - Thành viên Ban Kiểm soát.
- 3 - Bà Hồ Trần Diệu Linh - Thành viên Ban Kiểm soát.

b) Các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Ông Nguyễn Quang Huy	4.500	Trưởng ban kiểm soát
2.	Ông Hồ Trung Thành	0	Phó trưởng ban tài chính của EVNGENCO2

3.	Bà Hồ Trần Diệu Lynh	0	Kế toán trưởng Công ty cổ phần cơ điện lạnh REE
----	----------------------	---	---

c) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị .

Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2018:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2018 cụ thể như sau :

Đơn vị tính : đồng

ST T	Họ và Tên	Chức danh	Tổng tiền lương/ thù lao thực lĩnh năm 2018	Ghi chú
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc			
1.	Phạm Kim Lâm	Chủ tịch HĐQT	570.636.000	Miễn nhiệm ngày 12/5/2018
2.	Nguyễn Văn Thủy	Chủ tịch HĐQT	570.636.000	Bầu mới 12/5/2018
3.	Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc	621.114.000	
II	Tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS			
1.	Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	72.000.000	
2.	Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	
3.	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT	30.000.000	Miễn nhiệm ngày 12/5/2018
4.	Nguyễn Văn Quyên	Thành viên HĐQT – Phó TGĐ	484.553.000	Bầu mới 12/5/2018
5.	Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS	484.553.000	
6.	Hồ Trung Thành	Thành viên BKS	60.000.000	
7.	Hồ Trần Diệu Lynh	Thành viên BKS	60.000.000	
	Tổng cộng :		2.012.303.000	

b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ

không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

- + Trả nợ vay: 452,49 tỷ đồng
- + Trả lãi vay: 24,47 tỷ đồng
- + Thu nhập lãi cho vay 96,43 tỷ đồng
- + Thu hồi khoản cho vay 535,00 tỷ đồng
- + Mua điện 42,06 tỷ đồng

- Giao dịch với Tổng Công ty Phát điện 2

- + Thu hồi khoản cho vay 415,30 tỷ đồng
- + Thu nhập lãi cho vay 20,04 tỷ đồng
- + Chi trả Chia cổ tức 465,90 tỷ đồng

- Giao dịch với Công ty mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- + Doanh thu bán điện 7.100,72 tỷ đồng

- Nhận cổ tức từ các đơn vị do PPC góp vốn: Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng 45,45 tỷ đồng; Công ty CP Phát triển điện Việt Nam 10,87 tỷ đồng; Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn 8,55 tỷ đồng; Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa 1,74 tỷ đồng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại (bản photo) kèm theo.

(Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty trên website <http://www.ppc.evn.vn>)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHCM;
- <http://www.ppc.evn.vn>
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thư



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

MS

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thùy	Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 5 năm 2018)
Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)
Ông Phạm Văn Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyên	Thành viên (từ ngày 12 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thùy	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Quyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại
Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Hải Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00353-19-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.926.265.561.485	3.585.591.829.936
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	143.402.399.271	208.919.479.866
Tiền	111		43.402.399.271	32.919.479.866
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	176.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.180.000.000.000	550.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.180.000.000.000	550.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.363.158.380.535	2.259.537.240.122
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.657.277.833.115	1.322.020.384.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		269.631.540	443.066.799
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	723.166.866.953	950.303.600.712
Phải thu ngắn hạn khác	136		643.691.674	664.241.044
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.199.642.747)	(13.894.053.225)
Hàng tồn kho	140	10(a)	236.586.410.479	551.615.005.970
Hàng tồn kho	141		331.227.913.783	651.563.450.850
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.641.503.304)	(99.948.444.880)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.118.371.200	15.520.103.978
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.118.371.200	58.498.624
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	153	15(b)	-	15.461.605.354

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.048.676.026.827	3.962.855.263.587
Các khoản phải thu dài hạn	210		210.000.000.000	933.166.866.953
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	210.000.000.000	933.166.866.953
Tài sản cố định	220		285.096.740.546	302.689.389.707
Tài sản cố định hữu hình	221	11	285.096.740.546	302.550.669.915
Nguyên giá	222		13.405.423.203.458	13.392.457.591.910
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.120.326.462.912)	(13.089.906.921.995)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	138.719.792
Nguyên giá	228		58.730.276.512	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.730.276.512)	(58.591.556.720)
Tài sản dở dang dài hạn	240		54.563.484.662	384.664.348.918
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	54.563.484.662	384.664.348.918
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	2.448.496.800.570	2.269.401.556.350
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(87.402.086.980)	(266.497.331.200)
Tài sản dài hạn khác	260		50.519.001.049	72.933.101.659
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.373.300.995	1.504.309.693
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	49.145.700.054	71.428.791.966
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.974.941.588.312	7.548.447.093.523

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.324.976.290.623	2.071.503.115.178
Nợ ngắn hạn	310		1.324.976.290.623	1.564.978.115.178
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	524.883.880.905	579.481.217.926
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		262.287.753	252.287.753
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	105.783.870.835	48.334.585.383
Phải trả người lao động	314		88.616.593.788	61.383.091.780
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	45.137.444.631	383.689.397.295
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.524.995.032	3.080.781.208
Vay ngắn hạn	320	18(a)	530.425.000.000	443.598.262.405
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	24.342.217.679	45.158.491.428
Nợ dài hạn	330		-	506.525.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	-	506.525.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.649.965.297.689	5.476.943.978.345
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.649.965.297.689	5.476.943.978.345
Vốn cổ phần	411	21	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.692.500.615	11.692.500.615
Vốn khác của chủ sở hữu	414		183.512.737.201	171.214.559.929
Cổ phiếu quỹ	415		(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	717.175.109.176	539.635.616.751
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.562.623.319.416	1.579.439.669.769
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		921.090.945.689	1.110.176.834.751
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		641.532.373.727	469.262.835.018
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.974.941.588.312	7.548.447.093.523

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng

Phạm Văn Thu
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	7.116.831.965.809	6.235.981.560.327
Giá vốn hàng bán	11	26	5.969.677.400.843	5.445.269.600.925
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.147.154.564.966	790.711.959.402
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	249.311.744.777	412.270.190.612
Chi phí tài chính	22	28	(114.551.881.898)	119.937.680.022
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.471.983.875	72.132.217.450
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	88.785.391.307	80.673.450.670
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		1.422.232.800.334	1.002.371.019.322
Thu nhập khác	31		4.563.273.642	10.168.835.199
Chi phí khác	32		18.926.066.366	9.343.825.444
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(14.362.792.724)	825.009.755
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.407.870.007.610	1.003.196.029.077
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	285,418,052,883	149.197.529.259
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.122.451.954.727	853.998.499.818
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.501	2.680

Ngày 12 tháng 3 năm 2019.

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.407.870.007.610	1.003.196.029.077
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	33.951.971.730	37.038.126.354
Các khoản dự phòng	03	(177.262.511.399)	10.915.753.058
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.812.423.224	29.965.389.895
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(248.121.944.102)	(410.060.667.306)
Chi phí lãi vay	06	24.471.983.875	72.132.217.450
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.064.721.930.938	743.186.848.528
Biến động các khoản phải thu	09	(313.502.727.442)	(915.698.413.558)
Biến động hàng tồn kho	10	339.784.544.104	(170.619.304.823)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(9.122.273.442)	299.846.207.102
Biến động chi phí trả trước	12	(2.928.863.878)	513.563.587
		1.078.952.610.280	(42.771.099.164)
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.565.009.495)	(96.128.215.285)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(228.949.208.531)	(187.410.366.649)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(72.296.013.664)	(58.121.683.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	750.142.378.590	(384.431.364.254)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

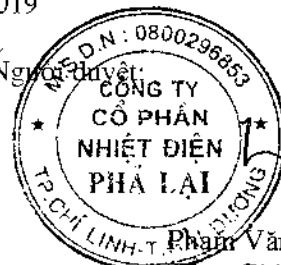
	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(39.068.041.203)	(18.409.522.049)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	557.427.956	-
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(1.600.000.000.000)	(800.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	1.920.303.600.712	3.238.300.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	60.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	243.212.613.879	465.365.333.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	525.005.601.344	2.945.255.811.924
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	49.906.860.745
Tiền thu từ đi vay	33	-	1.300.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(443.510.685.629)	(3.459.265.820.189)
Tiền trả cổ tức	36	(897.154.374.900)	(1.020.416.757.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.340.665.060.529)	(3.129.775.716.544)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(65.517.080.595)	(568.951.268.874)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	208.919.479.866	777.870.748.740
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	143.402.399.271	208.919.479.866

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởngPhạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1.170 nhân viên (1/1/2018: 1.181 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các Thuyết minh 3(h)(ii).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng hoàn thành trong năm nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ cùng giảm một khoản là 35.302.269.622 VND (1/1/2018: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 368.268.882.010 VND) (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa thu từ phát hành và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	11.963.640	11.555
Tiền gửi ngân hàng	43.390.435.631	32.919.468.311
Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000.000	176.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	143.402.399.271	208.919.479.866

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất là từ 5% đến 5,5% một năm (2017: 5,5% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất từ 6,7% đến 7,0% một năm (2017: 6,5% đến 7,0% một năm).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phú Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2018	
					Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty liên kết</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	- 1.246.560.000.000
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh Đà Nẵng	73.587.291 7.080.000	16,35% 19,30%	16,35% 19,30%	817.295.117.400 70.800.000.000	(35.798.086.980) (12.744.000.000)
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế						781.497.030.420
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	5.025.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	- 82.510.500.000
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000	- 160.973.591.200
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(38.860.000.000)
					1.084.843.117.400	(87.402.086,980)
					2.535.898.887.550	(87.402.086,980)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2018			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
<i>Công ty liên kết</i>					
(i)	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150 (*)
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>					
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng				
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400
	• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000
	• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	5.025.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000
	• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000
					(38.458.000.000)
					8.040.000.000
		1.084.843.117.400			(266.497.331.200)
		2.535.898.887.550			(266.497.331.200)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác khoáng sản; bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo công trình nhiệt điện; dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện và đào tạo, dạy nghề quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	266.497.331.200	358.492.699.838
Trích lập dự phòng trong năm	26.129.678.940	15.165.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(205.224.923.160)	(107.160.368.638)
	87.402.086.980	266.497.331.200
Số dư cuối năm	87.402.086.980	266.497.331.200

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.596.406.105.528	1.269.243.237.201
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*)	17.373.269.593	17.373.269.593
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**)	38.655.742.009	32.556.611.111
Các khách hàng khác	4.842.715.985	2.847.266.887
	1.657.277.833.115	1.322.020.384.792

(*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVPMC-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 9.

(**) Khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015. Theo đó khoản dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.596.406.105.528	1.269.243.237.201

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2018 VND	Biến động trong năm		31/12/2018 VND
		Tăng VND	Thu hồi VND	
Các khoản cho vay ngắn hạn	175.500.000.000	-	(175.500.000.000)	-
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	774.803.600.712	723.166.866.953	(774.803.600.712)	723.166.866.953
	950.303.600.712	723.166.866.953	(950.303.600.712)	723.166.866.953

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các khoản cho vay dài hạn	933.166.866.953	1.707.970.467.665
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(723.166.866.953)	(774.803.600.712)
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	210.000.000.000	933.166.866.953

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
• Các khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ (*)	VND	7,03%	2019	188.166.866.953	427.970.467.665
• Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (**)	VND	9,53%	2019 - 2025	245.000.000.000	280.000.000.000
• Khoản ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (**)	VND	8,03%	2019	500.000.000.000	1.000.000.000.000
				933.166.866.953	1.707.970.467.665

(*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (“Genco 2”), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cổ phần của Công ty sở hữu bởi Genco 2 có mệnh giá 1.664 tỷ VND (1/1/2018: 1.664 tỷ VND).

(**) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	trên 2 năm trên	17.373.269.593	(17.373.269.593)	-	trên 2 năm trên	17.373.269.593	(13.067.680.072)	4.305.589.521
Các khoản khác	2 năm	826.373.154	(826.373.154)	-	2 năm	826.373.153	(826.373.153)	-
		<u>18.199.642.747</u>	<u>(18.199.642.747)</u>	<u>-</u>		<u>18.199.642.746</u>	<u>(13.894.053.225)</u>	<u>4.305.589.521</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	(18.199.642.747)
	<u>(13.894.053.225)</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	13.894.053.225	10.734.546.565
Trích lập dự phòng trong năm	4.305.589.522	3.159.506.660
Số dư cuối năm	18.199.642.747	13.894.053.225

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vật tư và nhiên liệu	328.523.369.153	(92.940.982.572)	648.059.812.571	(97.932.169.517)
Công cụ và dụng cụ	2.686.654.789	(1.700.520.732)	3.485.043.974	(2.016.275.363)
Dịch vụ dở dang	17.889.841	-	18.594.305	-
	331.227.913.783	(94.641.503.304)	651.563.450.850	(99.948.444.880)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	225.337.889.233	(176.192.189.179)	244.786.896.270	(173.358.104.304)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ngắn hạn và dài hạn, như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	273.306.549.184	173.554.934.148
Trích lập dự phòng trong năm	-	99.751.615.036
Hoàn nhập	(2.472.856.701)	-
Số dư cuối năm	270.833.692.483	273.306.549.184

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.708.306.051.533	11.564.875.513.749	76.071.350.293	40.506.173.595	2.698.502.740	13.392.457.591.910
Tăng trong năm	-	1.561.400.000	-	1.796.410.965	-	3.357.810.965
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.068.134.545	8.845.454.545	-	5.716.151.963	-	16.629.741.053
Thanh lý	(3.314.046.836)	(1.972.406.154)	(1.735.487.480)	-	-	(7.021.940.470)
Số dư cuối năm	1.707.060.139.242	11.573.309.962.140	74.335.862.813	48.018.736.523	2.698.502.740	13.405.423.203.458
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.438.048.200.708	11.541.969.385.727	67.778.258.933	39.535.032.066	2.576.044.561	13.089.906.921.995
Khấu hao trong năm	24.551.437.460	6.730.701.195	2.072.397.938	2.309.079.689	30.636.474	35.694.252.756
Thanh lý	(1.566.818.205)	(1.972.406.154)	(1.735.487.480)	-	-	(5.274.711.839)
Số dư cuối năm	1.461.032.819.963	11.546.727.680.768	68.115.169.391	41.844.111.755	2.606.681.035	13.120.326.462.912
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	270.257.850.825	22.906.128.022	8.293.091.360	971.141.529	122.458.179	302.550.669.915
Số dư cuối năm	246.027.319.279	26.582.281.372	6.220.693.422	6.174.624.768	91.821.705	285.096.740.546

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 12.636 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 12.589 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	1.176.655.088	58.591.556.720
Khấu hao trong năm	-	138.719.792	138.719.792
Số dư cuối năm	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	138.719.792	138.719.792
Số dư cuối năm	-	-	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 58,7 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 57,7 tỷ VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	384.664.348.918	380.035.835.353
Tăng trong năm	283.905.687.802	339.144.114.048
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.629.741.053)	(8.132.464.665)
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(597.376.811.005)	(326.382.226.708)
Giảm khác	-	(909.110)
	54.563.484.662	384.664.348.918

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định (Thuyết minh 3(h)(ii))	35.302.269.622	368.268.882.010
Các công trình khác	19.261.215.040	16.395.466.908
	<hr/>	<hr/>
	54.563.484.662	384.664.348.918
	<hr/>	<hr/>

14. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	195.656.014.251	239.451.805.746
Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	175.147.572.309	134.443.278.468
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	53.937.684.761	87.476.812.224
Viện Nghiên cứu Cơ khí	3.773.692.759	13.316.813.313
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	1.484.163.070	39.980.739.735
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh và Xuất nhập khẩu Hoàng Hải	28.908.097.000	-
Các nhà cung cấp khác	65.976.656.755	64.811.768.440
	<hr/>	<hr/>
	524.883.880.905	579.481.217.926
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cản trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	717.118.646.644	(698.079.738.028)	19.038.908.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.119.333.258	285.418.052.883	(228.949.208.531)	75.588.177.610
Thuế tài nguyên	26.740.875.585	97.171.266.675	(114.483.681.240)	9.428.461.020
Thuế nhà đất	-	17.233.607.000	(17.233.607.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	116.110.500	6.111.262.719	(4.499.049.630)	1.728.323.589
Các loại thuế khác	2.358.266.040	20.040.334.327	(22.398.600.367)	-
	48.334.585.383	1.143.093.170.248	(1.085.643.884.796)	105.783.870.835

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cản trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.461.605.354	527.410.517.913	(542.872.123.267)	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn (*)	35.302.269.622	368.268.882.010
Chi phí lãi vay	5.277.140.168	8.370.165.788
Chi phí khác	4.558.034.841	7.050.349.497
	45.137.444.631	383.689.397.295

(*) Tại ngày báo cáo, chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm nhưng chưa quyết toán (Thuyết minh 3(h)(ii)).

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.330.297.001	2.768.120.701
Phải trả khác	2.194.698.031	312.660.507
	5.524.995.032	3.080.781.208

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018	Biến động trong năm	31/12/2018
	Giá trị ghi sổ và số khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giá trị ghi sổ và số khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	443.598.262.405	506.525.000.000	530.425.000.000
		(443.510.685.629)	23.812.423.224
			Chênh lệch tỷ giá VND

(b) Vay dài hạn

	1/1/2018	Biến động trong năm	31/12/2018
	Giá trị ghi sổ và số khả năng trả nợ VND	Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị ghi sổ và số khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	506.525.000.000	(506.525.000.000)	-
			Chênh lệch tỷ giá VND

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	530.425.000.000	950.123.262.405
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(530.425.000.000)	(443.598.262.405)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	506.525.000.000

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất	JPY	2.5%	2028	530.425.000.000	950.123.262.405

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay là 2,5% một năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% một năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	45.158.491.428	70.026.413.434
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	51.714.084.183	33.253.761.150
Sử dụng trong năm	(72.296.013.664)	(58.121.683.156)
Khấu hao phân bổ	(234.344.268)	-
Số dư cuối năm	24.342.217.679	45.158.491.428

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vấn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.262.350.000.000	-	160.144.544.191	(125.602.728.849)	541.669.911.034	1.534.251.854.156	5.372.813.580.532
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	853.998.499.818	853.998.499.818
Tài sản bình thành từ các quỹ	-	-	11.070.015.738	-	(11.070.015.738)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	9.035.721.455	(9.035.721.455)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	11.692.500.615	-	-	-	(33.253.761.150)	(33.253.761.150)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	38.214.360.130	-	-	49.906.860.745
						(766.521.201.600)	(766.521.201.600)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	3.262.350.000.000	11.692.500.615	171.214.559.929	(87.388.368.719)	539.635.616.751	1.579.439.669.769	5.476.943.978.345
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.122.451.954.727	1.122.451.954.727
Tài sản bình thành từ các quỹ	-	-	12.298.177.272	-	(12.298.177.272)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	189.837.669.697	(189.837.669.697)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(51.714.084.183)	(51.714.084.183)
						(897.716.551.200)	(897.716.551.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.262.350.000.000	11.692.500.615	183.512.737.201	(87.388.368.719)	717.175.109.176	1.562.623.319.416	5.649.965.297.689

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.174.961.631.281	320.613.054	3.174.961.631.281

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	320.613.054	3.174.961.631.281	318.154.614	3.136.747.271.151
Ảnh hưởng của phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	-	2.458.440	38.214.360.130
Số dư cuối năm	320.613.054	3.174.961.631.281	320.613.054	3.174.961.631.281

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 802 tỷ VND (tương đương 2.500 VND trên một cổ phiếu), trong đó có 385 tỷ VND đã được tạm ứng cho các cổ đông vào cuối năm 2017 (2017: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 636 tỷ VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 cho cổ đông là 481 tỷ (tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu) (2017: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017: 385 tỷ VND, tương đương 1.200 VND trên cổ phiếu).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Cam kết thuê**

Cam kết thuê chủ yếu đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Từ hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	454.549.414.667	468.464.192.667
	<hr/>	<hr/>
	524.123.304.667	538.038.082.667

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán điện	7.101.910.030.549	6.217.491.492.653
Doanh thu bán xỉ và phế liệu	14.921.935.260	18.490.067.674
	<hr/>	<hr/>
	7.116.831.965.809	6.235.981.560.327

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	5.081.604.401.039	4.551.257.059.904
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	264.402.998.617	320.357.098.271
Chi phí nhân công	233.398.103.716	226.208.061.738
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.472.856.701)	99.751.615.036
Chi phí bảo trì	84.183.024.146	81.764.887.933
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.556.270.638	32.601.598.237
Chi phí điện mua ngoài	42.062.719.260	40.402.648.542
Chi phí khác	235.942.740.128	92.926.631.264
	5.969.677.400.843	5.445.269.600.925

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	182.698.388.277	288.444.951.988
Cổ tức được chia	66.613.356.500	89.091.965.318
Lãi từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	-	32.523.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	-	2.209.523.306
	249.311.744.777	412.270.190.612

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	24.471.983.875	72.132.217.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	16.223.597.673	109.461.737.986
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	23.812.423.224	29.965.389.895
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(179.095.244.220)	(91.995.368.638)
Chi phí tài chính khác	35.357.550	373.703.329
	(114.551.881.898)	119.937.680.022

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	52.054.650.283	45.480.167.644
Dự phòng phải thu khó đòi	4.305.589.522	3.159.506.660
Chi phí vật tư quản lý	1.058.972.239	1.101.050.341
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.395.701.092	3.440.091.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.269.172.955	4.112.707.858
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.024.175.132	4.839.044.180
Chi phí khác	18.677.130.084	18.540.882.392
	88.785.391.307	80.673.450.670

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	5.081.604.401.039	4.551.257.059.904
Chi phí nhân công và nhân viên	285.452.753.999	271.688.229.382
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.951.971.730	37.038.126.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.571.541.901	132.220.338.854
Chi phí sửa chữa lớn	264.402.998.617	320.357.098.271
Chi phí khác	303.479.124.864	213.382.198.830

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	271.366.397.670	148.741.500.217
Dự phòng thiếu trong những năm trước	14.051.655.213	456.029.042
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	285.418.052.883	149.197.529.259

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.407.870.007.610	1.003.196.029.077
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	281.574.001.522	150.479.404.362
Thu nhập không bị tính thuế	(13.322.671.300)	(13.363.794.798)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	(337.224.257)	10.543.630.977
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.452.291.705	1.082.259.676
Dự phòng thiếu trong những năm trước	14.051.655.213	456.029.042
	285.418.052.883	149.197.529.259

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20%.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.122.451.954.727	853.998.499.818
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>1.122.451.954.727</u>	<u>853.998.499.818</u>

(*) Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	2018 VND	2017 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	320.613.054	318.154.614
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	-	545.572
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	<u>320.613.054</u>	<u>318.700.186</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	452.487.305.125	3.376.888.988.454
Chi phí lãi vay	24.471.983.875	58.240.436.627
Thu nhập lãi cho vay	96.425.538.887	168.492.838.888
Thu hồi khoản cho vay	535.000.000.000	535.000.000.000
Mua điện	42.062.719.260	39.254.061.212
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cho vay	-	250.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	415.303.600.712	593.300.000.000
Thu nhập lãi cho vay	20.035.050.956	74.143.284.310
Chia cổ tức	465.897.308.804	399.340.550.400
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (*)		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.531.861.864
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-	297.909.287
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	7.100.723.480.864	6.217.491.492.653
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	45.447.500.000	77.910.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	10.875.494.000	6.492.226.618
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	8.555.062.500	4.019.738.700
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	1.735.300.000	670.000.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.165.405	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc (Giám đốc)		
Tiền lương và thưởng	480.984.400	668.377.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.529.164.300	1.967.571.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	408.000.000	408.000.000
Tiền lương và thưởng của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	413.613.400	413.852.900

(*) Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty đã thoái vốn toàn bộ 2.500.000 cổ phần tại công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc.

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Cần trừ phần nợ gốc vay với khoản phải thu tiền điện từ Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	1.110.370.953.585

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

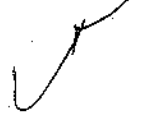
Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc